

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2025

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty TNHH Một thành viên vốn Ngân sách nhà nước theo quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 20 tháng 07 năm 2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301447419 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 08 năm 2010 và các giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Vốn điều lệ : 24.419.000.000 đồng (hai mươi bốn tỷ bốn trăm mười chín triệu đồng).

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, Thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
(Nay là 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Thành phố Hồ Chí Minh)

Điện thoại : +84 (028) – 3892 0423 – 3790 8470

Fax : +84 (028) – 3892 0423

Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 7 4 1 9

3. Ngành nghề hoạt động

Hoạt động công ích:

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng và nâng cấp công trình công cộng, công trình đô thị theo phân cấp;
- Quản lý, bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp huyện quản lý.
- Thu gom rác thải độc hại.
- Thu gom rác thải không độc hại.

Hoạt động kinh doanh khác:

- Xây dựng sửa chữa các công trình đô thị, công trình hạ tầng vừa và nhỏ theo phân cấp và theo hợp đồng kinh tế;
- Sửa chữa, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp.

4. Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và kế toán trưởng

4.1 Chủ tịch công ty

Chủ tịch Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành.

4.2 Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Bà Phạm Ngọc Tuyết Ngân.

03031
CÔ
TRÁCH N
KIỂM TOÁN
CHƯA
15 - TP

4.3 Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hưng	Giám đốc	18/11/2022	-
Bà Võ Thị Thu Thủy	Phó Giám đốc	01/09/2024	-
Bà Võ Thị Phương Dung	Phó Giám đốc	01/01/2025	-
Bà Trần Thị Minh Châu	Kế toán trưởng	01/01/2025	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hưng – Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 26.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục sắp xếp và duy trì theo Quyết định số 184/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/02/2024 về Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trực thuộc Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đến hết năm 2025 và văn bản số 173/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/03/2024 về việc đính chính phụ lục I của Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 20/02/2024, trong đó Công ty thực hiện theo phụ lục I về Kế hoạch duy trì Công ty TNHH Một thành viên đến hết năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

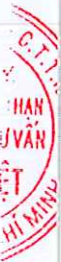
Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025.

TM. Ban Giám đốc



NGUYỄN VĂN HƯNG
Giám đốc





Số: 2375/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CÙ CHI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Cù Chi (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 7 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 25), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo thuyết minh V.6 - Tài sản cố định hữu hình, Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với tài sản 05 hệ thống giếng nước đã thu hồi lại từ Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn do đang chờ ý kiến xử lý từ các Sở, ban, ngành và UBND huyện Củ Chi. Với các tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể xác định đúng đắn khoản tiền nói trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên đến Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ.

Ngoài ra, vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ được nêu trong Báo cáo kiểm toán các năm trước về việc giảm khác khi phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 với số tiền lần lượt là (6.093.505.465) đồng, (1.203.716.510) khi chưa được sự phê duyệt của Chủ sở hữu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đến kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Huyện Củ Chi tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Nguyễn Thị Tuyết Vân - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2839-2025-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.695.246.321	44.625.158.677
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	24.585.723.488	17.354.749.984
111	1. Tiền		19.585.723.488	17.354.749.984
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.995.449.236	23.553.749.495
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	9.530.491.433	23.155.925.588
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.500.000	241.149.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3a	807.606.431	502.823.535
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(346.148.628)	(346.148.628)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	645.845.235	1.619.471.780
141	1. Hàng tồn kho		645.845.235	1.619.471.780
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.468.228.362	2.097.187.418
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		469.224.874	577.451.716
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	999.003.488	1.519.735.702
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		70.685.947.940	71.668.917.221
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		165.236.982	175.529.382
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.3b	165.236.982	175.529.382
220	II. Tài sản cố định		70.520.710.958	71.493.387.839
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	70.520.710.958	71.493.387.839
222	- Nguyên giá		90.358.170.440	91.183.215.895
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19.837.459.482)	(19.689.828.056)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		107.381.194.261	116.294.075.898

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

Địa chỉ: Số 174/5, Tỉnh lộ 8, Khu Phố 2, xã Tân An Hội, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		21.500.202.404	33.193.405.815
310	I. Nợ ngắn hạn		17.241.795.211	28.924.706.222
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.7	4.176.296.970	9.436.346.548
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.673	651.551
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8	628.444.206	3.458.571.925
314	4. Phải trả người lao động		3.215.132.995	4.418.770.015
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.9a	205.118.739	230.925.357
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.10a	365.442.198	730.884.396
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.11	8.651.356.430	10.648.556.430
330	II. Nợ dài hạn		4.258.407.193	4.268.699.593
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.9b	165.236.982	175.529.382
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.10b	2.346.892.406	2.346.892.406
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.746.277.805	1.746.277.805
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		85.880.991.857	83.100.670.083
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.12	27.199.321.774	24.419.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		24.419.000.000	24.419.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.780.321.774	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.780.321.774	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		58.681.670.083	58.681.670.083
431	1. Nguồn kinh phí		398.000	398.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		58.681.272.083	58.681.272.083
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		107.381.194.261	116.294.075.898

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ MINH CHÂU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025



Giám đốc

NGUYỄN VĂN HÙNG

KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	35.980.535.378	31.776.279.440
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	500.000	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.980.035.378	31.776.279.440
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	26.725.872.482	22.143.305.760
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.254.162.896	9.632.973.680
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	92.828.256	191.712.572
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	58.718.802	36.298.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		58.718.802	36.298.000
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	5.520.961.938	5.460.828.503
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.767.310.412	4.327.559.749
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		229.401.328	-
40	13. Lợi nhuận khác		(229.401.328)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.537.909.084	4.327.559.749
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.8	757.587.310	988.141.931
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.780.321.774	3.339.417.818

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

TRẦN THỊ MINH CHÂU

NGUYỄN VĂN HÙNG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.537.909.084	4.517.762.001
	2. Điều chỉnh cho các khoản		831.075.205	463.760.540
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.6	635.783.331	619.175.112
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	136.573.072	(191.712.572)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	58.718.802	36.298.000
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.368.984.289	4.981.522.541
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		14.089.324.873	(5.164.377.755)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		973.626.545	(200.849.981)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(7.798.752.723)	(1.032.295.053)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		108.226.842	-
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.4	(58.718.802)	(36.298.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.8	(250.436.278)	(366.198.756)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.997.200.000)	(14.193.956.588)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.435.054.746	(16.012.453.592)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(328.794.444)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	92.828.256	191.712.572
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		92.828.256	(137.081.872)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.10a	(365.442.198)	(181.044.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.12	(1.931.467.300)	(2.416.973.647)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.296.909.498)	(2.598.017.647)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		7.230.973.504	(18.747.553.111)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		17.354.749.984	31.270.529.494
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	24.585.723.488	12.522.976.383

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Giám đốc

NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

TRẦN THỊ MINH CHÂU

NGUYỄN VĂN HÙNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty TNHH Một thành viên nhà nước theo Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 20 tháng 07 năm 2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ích, xây dựng, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích

- Quản lý, duy tu bảo dưỡng và nâng cấp công trình công cộng, công trình đô thị theo phân cấp;
- Quản lý, bảo dưỡng và cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp huyện quản lý;
- Thu gom rác thải không độc hại.

Hoạt động kinh doanh khác

- Xây dựng sửa chữa các công trình đô thị, công trình hạ tầng vừa và nhỏ theo phân cấp và theo hợp đồng kinh tế;
- Sửa chữa, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, không có các đặc điểm kinh doanh ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Công ty có 142 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 142 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao ước tính
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05-30
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-10

6. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Quỹ tiền lương

Quỹ lương cán bộ công nhân viên và Người quản lý năm 2025 được tạm trích trên cơ sở mức tiền lương kế hoạch Công ty xây dựng. Quỹ lương kế hoạch được xây dựng theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 quy định về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

Hiện quỹ lương thực tế cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đang chờ cơ quan chủ quản phê duyệt.

8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

175.
TY
HỮU
TƯ
VIỆ
CƠ

10. Phân phối lợi nhuận

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: theo thông tư số 36/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 05 năm 2021 hướng dẫn một số nội dung của nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ công ích bao gồm: quét rác đường, thu gom vận chuyển rác, chăm sóc hoa viên...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Đã xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất: 20%

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tiền mặt	352.267.725	515.734.851
2.	Tiền gửi ngân hàng (*)	19.233.455.763	16.839.015.133
3.	Tương đương tiền (**)	5.000.000.000	-
	Tổng cộng	24.585.723.488	17.354.749.984

(*) Chi tiết gồm:

STT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – CN Củ Chi	16.718.764.985	12.470.958.438
2.	Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Củ Chi	1.101.023.533	1.087.994.584
3.	Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Củ Chi	-	141.950.325
4.	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Hóc Môn	1.258.287.904	2.974.695.424
5.	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – CN Củ Chi	154.981.341	-
6.	Kho bạc Nhà nước huyện Củ Chi	398.000	163.416.362
	Tổng cộng	19.233.455.763	16.839.015.133

(**) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - PGD Củ Chi có kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 3.15%/năm.

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>9.530.491.433</i>	<i>23.155.925.588</i>
- BQL Dự án ĐT XD Khu vực huyện Củ Chi	8.228.432.938	21.880.658.452
- Các đối tượng khác	1.302.058.495	1.275.267.136
Cộng	9.530.491.433	23.155.925.588

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác và dài hạn khác

3.a Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>807.606.431</i>	<i>(101.719.850)</i>	<i>502.823.535</i>	<i>(101.719.850)</i>
- Tạm ứng của nhân viên công ty ⁽¹⁾	261.930.850	(101.719.850)	222.430.850	(101.719.850)
- Ký cược ký quỹ ngắn hạn ⁽²⁾	516.713.191	-	251.430.295	-
- Dự án thiết bị lọc nước ⁽³⁾	28.962.390	-	28.962.390	-
Cộng	807.606.431	(101.719.850)	502.823.535	(101.719.850)

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CÙ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(1) Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lê Văn Sang (*)	101.719.850	101.719.850
Cộng	101.719.850	101.719.850

(*) Đây là khoản nợ khó đòi đã lập dự phòng (xem thuyết minh V.5).

(2) Chủ yếu là khoản ký quỹ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Củ Chi để Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các Hợp đồng gói thầu xây lắp công trình duy tu sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn Huyện Củ Chi với Ban quản lý Đầu tư xây dựng Huyện Củ Chi.

(3) Là khoản thu lại từ các hộ dân phần chi phí lắp đặt thiết bị lọc nước theo dự án lọc nước và xử lý nước sạch của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Lộ trình thu hồi 7 năm bắt đầu từ tháng 9 năm 2017.

3.b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>165.236.982</i>	-	<i>175.529.382</i>	-
- Nhà tái định cư (1)	165.236.982	-	175.529.382	-
Cộng	165.236.982	-	175.529.382	-

(1) Là khoản phải thu các hộ dân về tiền tái định cư công trình thủy lợi bờ hữu ven sông Sài Gòn từ Tỉnh lộ 8 đến Rạch Tra theo Công văn số 16850/UBND-TCKH ngày 13/12/2017 của UBND huyện Củ Chi và Thông báo số 513/TB-VP ngày 14/12/2017 của Văn phòng HĐND và UBND giao Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi phối hợp với Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng huyện, UBND xã Bình Mỹ tiến hành ký hợp đồng với 11 hộ dân tái định cư trong dự án bờ hữu ven sông Sài Gòn.

4. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>346.148.628</i>	-		<i>346.148.628</i>	-
- Lê Văn Sang	Trên 3 năm	101.719.850	-	Trên 3 năm	101.719.850	-
- Công ty CP Xây dựng công trình Bưu Điện	Trên 3 năm	244.428.778	-	Trên 3 năm	244.428.778	-
Cộng		346.148.628	-		346.148.628	-

Tình hình biến động dự phòng

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(346.148.628)	(346.148.628)
Lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(346.148.628)	(346.148.628)

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CÙ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

5. Hàng tồn kho

Chi tiết gồm:	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	117.909.621	-	53.148.750	-
- Công cụ dụng cụ	431.445.947	-	1.163.643.030	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	96.489.667	-	402.680.000	-
Cộng	645.845.235	-	1.619.471.780	-

6. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	69.918.618.198	21.230.997.697	33.600.000	91.183.215.895
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	(825.045.455)	-	(825.045.455)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(825.045.455)	-	(825.045.455)
4. Số dư cuối kỳ	69.918.618.198	20.405.952.242	33.600.000	90.358.170.440
Trong đó: Tài sản khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.122.768.364	10.398.014.439	33.600.000	11.554.382.803
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	6.113.587.973	13.542.640.083	33.600.000	19.689.828.056
2. Tăng trong kỳ	173.907.750	461.875.581	-	635.783.331
- Khấu hao trong kỳ	173.907.750	461.875.581	-	635.783.331
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(488.151.905)	-	(488.151.905)
4. Số dư cuối kỳ	5.935.468.547	13.516.363.759	33.600.000	19.837.459.482
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	63.805.030.225	7.688.357.614	-	71.493.387.839
2. Tại ngày cuối kỳ (*)	63.631.122.475	6.889.588.483	-	70.520.710.958
Trong đó: Giá trị còn lại của tài sản đem cầm cố thế chấp (xem tại Thuyết minh V.10)	-	4.461.477.273	-	4.678.604.097

(*) Trong đó, Công ty đã tạm bàn giao tài sản liên quan đến các trạm cấp nước cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân Huyện Củ Chi từ năm 2017, nhưng chưa ghi giảm tài sản do chưa có quyết định chính thức của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

- Đến ngày 25/07/2024, Công ty thực hiện thu hồi lại các trạm theo Công văn số 15204/UBND – TCKH ngày 22/11/2023 của UBND Huyện Củ Chi và Công ty đã xây dựng Phương án xử lý tài sản 05 hệ thống giếng nước trình các Sở, ban, ngành và UBND huyện Củ Chi có ý kiến đóng góp tại công văn số 578/CICC-KHKD ngày 29/11/2024 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi. Giá trị sổ sách Hệ thống trạm nước bao gồm:

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CÚ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Hệ thống cấp nước công ty được giao quản lý với nguyên giá là: 6.232.735.034 đồng, khấu hao lũy kế là: 2.317.102.736 đồng, Giá trị còn lại tính đến thời điểm 31/08/2017 là: 3.915.632.298 đồng. Công ty không trích khấu hao đối với hệ thống cấp nước này từ tháng 9/2017 đến nay. Hệ thống cấp nước này được đầu tư nâng cấp mở rộng theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 08/05/2015 của UBND thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá là: 58.681.272.083 đồng, công ty không trích hao mòn đối với phần tài sản này do tạm bàn giao từ năm 2017.

- Đến nay, Công ty đã thu hồi hệ thống nhà trạm cùng hệ thống máy móc trang thiết bị còn mạng lưới đường ống cấp nước và đồng hồ nước vẫn do Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn sử dụng để cung cấp nước sạch cho người dân sử dụng đầy đủ, liên tục theo chỉ đạo của UBND huyện Củ Chi. Tài sản các trạm này Công ty đã thu hồi tại ngày 25/07/2024; 12/08/2024; 29/08/2024; 10/10/2024; 24/10/2024 và lần lượt là Trạm Phú Hoà Đông, An Nhơn Tây; Tân Thạnh Tây, Tân Thông Hội; Tân An Hội.

7. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	4.176.296.970	9.436.346.548
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Tuyết Nhung	-	3.275.886.000
Công ty TNHH Vận tải Môi trường Huỳnh Hải	1.340.944.853	960.332.645
Nguyễn Thị Thanh Thúy	596.807.000	136.750.000
Các đối tượng khác	2.238.545.117	5.063.377.903
Cộng	4.176.296.970	9.436.346.548

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	1.527.104.625	-	1.473.794.353	(2.372.454.772)	628.444.206	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.269.672.535	757.598.310	(250.436.278)	-	762.510.503
- Thuế thu nhập cá nhân	-	250.063.167	13.570.182	-	-	236.492.985
- Tiền thuế đất	-	-	74.494.709	(74.494.709)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
- Các khoản khác	1.931.467.300	-	-	(1.931.467.300)	-	-
Cộng	3.458.571.925	1.519.735.702	2.322.457.554	(4.631.853.059)	628.444.206	999.003.488

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế suất thuế GTGT quét, thu gom vận chuyển rác, xây dựng, thanh lý tài sản: 8% và 10%
- Chăm sóc, quản lý hoa viên: Không chịu thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.537.909.084	4.327.559.749
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	250.027.465	41.252.274
Thu nhập chịu thuế	3.787.936.549	4.368.812.023
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập tính thuế trong kỳ	757.587.310	873.762.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước (*)	-	114.379.526
Thuế TNDN phải nộp	757.587.310	988.141.931

(*) Theo Thông báo số 155/TB-KV IV ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Kiểm toán nhà nước khu vực IV.

9. Phải trả khác

9.a Phải trả ngắn hạn khác

<i>Chi tiết gồm:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả cho bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	205.118.739	230.925.357
- Nhận tiền ký quỹ	38.282.000	38.282.000
- Dự án thiết bị lọc nước (*)	28.962.390	28.962.390
- Các đối tượng khác	137.874.349	163.680.967
Cộng	205.118.739	230.925.357

(*) Là khoản phải trả nguồn ngân sách phần thu hộ Nhà nước tiền lắp đặt thiết bị lọc nước từ các hộ dân theo chương trình lọc và xử lý nước sạch của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Lộ trình thu hộ và chi trả ngân sách Nhà nước là 07 năm.

9.b Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	165.236.982	175.529.382
- Nhà tái định cư (*)	165.236.982	175.529.382
Cộng	165.236.982	175.529.382

(*) Là khoản phải trả nguồn ngân sách phần thu hộ Nhà nước tiền lắp đặt thiết bị lọc nước từ các hộ dân theo chương trình lọc và xử lý nước sạch của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Lộ trình thu hộ và chi trả ngân sách Nhà nước là 07 năm. Và khoản phải trả nguồn ngân sách phần thu hộ Nhà nước tiền nền nhà tái định cư của 11 hộ dân trong dự án Bờ hữu ven sông Sài Gòn.

10. Vay và nợ thuê tài chính

10.a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả của khoản vay dài hạn tại thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (xem tại Thuyết minh V.10b).

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ vay ngắn hạn	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn phải trả	365.442.198	365.442.198	730.884.396	730.884.396
- Quỹ bảo vệ môi trường ⁽¹⁾	365.442.198	365.442.198	730.884.396	730.884.396
Cộng	365.442.198	365.442.198	730.884.396	730.884.396

⁽¹⁾ Là khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường TP.HCM theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 25-2023/HĐTD-QBVM.TD ngày 28/08/2023. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Số tiền vay 1.810.455.000 đồng. Lãi suất thả nổi, tại ngày giải ngân là 4,27%/năm và sẽ được điều chỉnh khi có biến động lớn về lãi suất. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: 1 xe ô tô chở rác hiệu ISUZU theo hợp đồng thế chấp tài sản số 28-2023/HĐTCTS-QBVM.TD ngày 17/11/2023. (Xem thuyết minh V.7)

- Hợp đồng tín dụng số 05-2024/HĐTD-QBVM.TD ngày 28/06/2024. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Số tiền vay 1.843.982.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 3,86%/năm. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: 1 xe ô tô chở rác hiệu ISUZU theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07-2024/HĐTCTS-QBVM.TD ngày 11/07/2024.

Tình hình biến động của các khoản nợ vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số nợ vay phát sinh thêm trong kỳ	Kết chuyển từ Nợ vay dài hạn đến hạn trả	Trả nợ vay trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn đến hạn trả	730.884.396	-	-	(365.442.198)	365.442.198
Cộng	730.884.396	-	-	(365.442.198)	365.442.198

10.b Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406
- Quỹ bảo vệ môi trường ⁽¹⁾	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406
Cộng	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406	2.346.892.406

⁽¹⁾ Là khoản vay Quỹ Bảo vệ Môi trường TP.HCM theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 25-2023/HĐTD-QBVM.TD ngày 28/08/2023. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Số tiền vay 1.810.455.000 đồng. Lãi suất thả nổi, tại ngày giải ngân là 4,27%/năm và sẽ được điều chỉnh khi có biến động lớn về lãi suất. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: 1 xe ô tô chở rác hiệu ISUZU theo hợp đồng thế chấp tài sản số 28-2023/HĐTCTS-QBVM.TD ngày 17/11/2023. (Xem thuyết minh V.7)

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Hợp đồng tín dụng số 05-2024/HĐTD-QBVMT ngày 28/06/2024. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Số tiền vay 1.843.982.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 3,86%/năm. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm xe ép rác phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: 1 xe ô tô chở rác hiệu ISUZU theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07-2024/HĐTCTS-QBVMT ngày 11/07/2024.

Tình hình biến động của các khoản nợ và dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số nợ vay phát sinh thêm trong kỳ	Kết chuyển từ Nợ vay dài hạn đến hạn trả	Trả nợ vay trong kỳ	Số cuối kỳ
- Vay dài hạn và nợ vay dài hạn đến hạn trả	2.346.892.406	-	-	-	2.346.892.406
Cộng	2.346.892.406	-	-	-	2.346.892.406

11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	6.767.129.914	-	(830.700.000)	-	5.936.429.914
- Quỹ phúc lợi	3.236.421.016	-	(1.166.500.000)	-	2.069.921.016
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	645.005.500	-	-	-	645.005.500
Cộng	10.648.556.430	-	(1.997.200.000)	-	8.651.356.430

33031
CÔ
RÁCH N
ỀM TON
CHU
S - TP

12. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4
<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2024	24.419.000.000	12.341.554.336	2.226.771.395	38.987.325.731
Lãi trong kỳ	-	-	3.339.417.818	3.339.417.818
Tăng khác	-	-	190.202.252	190.202.252
Tạm trích nộp lợi nhuận chưa phân phối còn lại cho Chủ sở hữu	-	-	(2.416.973.647)	(2.416.973.647)
Giảm khác (*)		(12.341.554.336)	-	(12.341.554.336)
Số dư tại ngày 30/06/2024	24.419.000.000	-	3.339.417.818	27.758.417.818
<i>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2025	24.419.000.000	-	-	24.419.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	2.780.321.774	2.780.321.774
Tạm trích nộp lợi nhuận chưa phân phối còn lại cho Chủ sở hữu	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2025	24.419.000.000	-	2.780.321.774	27.199.321.774

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI

Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(*) Giảm theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi nộp ngân sách thành phố khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc thành phố.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu vận chuyển và quét rác	27.285.288.199	25.469.289.542
- Doanh thu xây dựng công trình	4.729.171.119	1.634.585.371
- Doanh thu từ chăm sóc hoa viên	2.625.906.509	3.220.397.518
- Doanh thu từ chăm sóc cây xanh	1.329.656.981	1.441.494.439
- Doanh thu khác	10.512.570	10.512.570
Cộng	35.980.535.378	31.776.279.440

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giảm giá hàng bán	500.000	-

3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn vận chuyển và quét rác	18.118.072.701	16.150.733.790
- Giá vốn xây dựng công trình	4.625.054.160	1.700.714.387
- Giá vốn từ chăm sóc hoa viên	2.927.271.355	3.120.927.884
- Giá vốn từ chăm sóc cây xanh	1.051.009.695	1.166.465.128
- Giá vốn khác	4.464.571	4.464.571
Cộng	26.725.872.482	22.143.305.760

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

5. Chi phí hoạt động tài chính

Là khoản lãi vay Quỹ Bảo vệ Môi trường.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.892.004.171	2.976.750.304
- Chi phí công cụ, dụng cụ	76.142.221	95.419.775
- Khấu hao TSCĐ	225.020.139	208.411.920
- Chi phí bằng tiền khác	2.327.795.407	2.180.246.504
Cộng	5.520.961.938	5.460.828.503

7. Chi phí sản xuất theo yếu tố

<i>Chi tiết gồm:</i>	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên vật liệu	2.738.865.508	2.089.575.541
- Chi phí nhân công	10.876.919.076	10.524.515.542
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	635.783.331	619.175.112
- Các chi phí bằng tiền khác	15.469.423.095	14.699.661.060
Cộng	29.720.991.010	27.932.927.255

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch HĐQT	186.000.000	167.938.931
Ông Nguyễn Văn Hưng	Giám đốc (Thành viên HĐQT)	195.000.000	160.305.344
Ông Nguyễn Hiếu Hòa	Thành viên HĐQT	150.000.000	137.404.580
Bà Phạm Ngọc Tuyết Ngân	Kiểm soát viên	150.000.000	137.404.580
Bà Võ Thị Thu Thủy	Phó Giám đốc	150.000.000	137.404.580
Bà Võ Thị Phương Dung	Phó Giám đốc	150.000.000	137.404.580
Bà Trần Thị Minh Châu	Kế toán trưởng	138.000.000	122.137.405
Cộng		1.119.000.000	1.000.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN CỬ CHI
Địa chỉ: 174/5 Tỉnh lộ 8, Khu phố 2, xã Tân An Hội, Tp. Hồ Chí Minh
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Kinh doanh xây dựng công trình	Kinh doanh vận chuyển và quét rác	Kinh doanh dịch vụ chăm sóc hoa viên	Kinh doanh chăm sóc cây xanh	Kinh doanh dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng	4.729.171.119	27.285.288.199	2.625.906.509	1.329.656.981	10.512.570	35.980.535.378
Giá vốn hàng bán	4.625.054.160	18.118.072.701	2.927.271.355	1.051.009.695	4.464.571	26.725.872.482
Lãi gộp	104.116.959	9.167.215.498	(301.364.846)	278.647.286	6.047.999	9.254.662.896

Kỳ trước						
Doanh thu thuần về bán hàng	1.634.585.371	25.469.289.542	3.220.397.518	1.441.494.439	10.512.570	31.776.279.440
Giá vốn hàng bán	1.700.714.387	16.150.733.790	3.120.927.884	1.166.465.128	4.464.571	22.143.305.760
Lãi gộp	(66.129.016)	9.318.555.752	99.469.634	275.029.311	6.047.999	9.632.973.680

Khu vực địa lý

Doanh thu được thực hiện tại Việt Nam.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

5. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục theo Quyết định số 184/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/02/2024 về Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trực thuộc Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đến hết năm 2025 và văn bản số 173/TTg-ĐMDN của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/03/2024 về việc đính chính phụ lục I của Quyết định số 184/QĐ-TTg ngày 20/02/2024, trong đó Công ty thực hiện theo phụ lục I về Kế hoạch duy trì Công ty TNHH Một thành viên đến hết năm 2025.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH

TRẦN THỊ MINH CHÂU

NGUYỄN VĂN HÙNG

